

Xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hóa truyền thống Việt Nam / Bùi Ngọc Sơn ; Nghd. : PGS TS Nguyễn Đăng Dung

Mục lục

Mở đầu

Chương 1. Bối cảnh văn hoá của sự hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền và của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam

1.1. Nhận thức về khái niệm văn hoá

1.2. Bối cảnh văn hoá của sự hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền

1.2.1. Nhà nước pháp quyền- một lý thuyết của phương Tây

1.2.2. Bối cảnh văn hoá phương Tây của sự hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền

1.3. Bối cảnh văn hoá của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Chương 2. Xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam- sự tiếp biến, những thuận lợi và những khó khăn

2.1. Sự tiếp biến nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

2.1.1. Quyền dân tộc

2.1.2. Tập quyền

2.2. Những thuận lợi của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam

2.2.1. Tính đại diện cộng đồng của nhà nước

2.2.2. Một nền chuyên chế mềm

2.3. Những khó khăn của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam

2.3.1. Tôn trọng và bảo đảm quyền con người: lực cản từ một xã hội thần dân

2.3.2. Kiểm soát công quyền bằng pháp luật: lực cản từ truyền thống nhân trị

2.3.3. Tính phổ biến của các chuẩn mực pháp luật trong đời sống công dân: lực cản từ truyền thống hình luật

2.3.4. Đề cao vai trò của tư pháp: lực cản từ truyền thống “vô tụng”

Chương 3. Phương hướng cơ bản xây dựng Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam

3.1. Phương hướng đảm bảo sự tiếp biến Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam

3.1.1. Chuyển tải tinh thần Tổ quốc luận vào xã hội hiện đại.

3.1.2. Khai thác sức mạnh của chế độ tập quyền và kiểm soát quyền lực trong chế độ tập quyền.

3.2. Phương hướng phát huy những thuận lợi của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

3.2.1. Phát huy tính đại diện cộng đồng của nhà nước.

3.2.2. Tình nghĩa trong hành xử quyền lực; xác lập tự quản cơ sở

3.3. Phương hướng khắc phục những khó khăn của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

3.3.1. Phát triển xã hội công dân

3.3.2. Tạo lập thói quen thượng tôn luật pháp trong đời sống công quyền.

3.3.3. Tạo lập thói quen sử dụng pháp luật trong đời sống của công dân.

3.3.4. Hướng cho người dân một cách nhìn mới về Tòa án

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Năm 1924, sau khi khẳng định ý nghĩa to lớn của Mác đối với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và toàn thể nhân loại, Hồ Chí Minh đã nói: " Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung " cơ sở lịch sử " của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tài liệu mà ở thời mình Mác không thể có được." "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lí nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử Châu Âu. Mà châu Âu là gì ? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại." Từ đó Người đặt nhiệm vụ phải củng cố cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng " dân tộc học phương Đông". Bài học của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào Việt Nam

soi sáng cho chúng ta trong việc vận dụng sáng tạo lý thuyết nhà nước pháp quyền vào Việt Nam hiện nay.

Bối cảnh hình thành và phát triển của lý thuyết nhà nước pháp quyền là phương Tây. Nhưng, với tính nhân bản của nó, lý thuyết nhà nước pháp quyền được đánh giá di sản chung của nền văn minh nhân loại. Ngày nay, việc xây dựng nhà nước pháp quyền đã trở thành xu hướng phổ biến của các quốc gia trên thế giới.

Trong xu hướng chung đó, Đảng và nhà nước ta đã khẳng định việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX tiếp tục khẳng định: "Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân". Với Hiến pháp sửa đổi năm 2001, việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đã có một cơ sở hiến định: "Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân." (Điều 2).

Lý thuyết nhà nước pháp quyền là một di sản chung của nhân loại. Bất cứ nhà nước hiện đại nào, không kể chế độ kinh tế- xã hội đều có thể áp dụng lý thuyết này. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là việc áp dụng lý thuyết nhà nước pháp quyền là giống nhau ở các nước khác nhau. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam sẽ khác với ở những nước khác.

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam có nghĩa là tích hợp một giá trị của văn hoá phương Tây vào bối cảnh một nền văn hoá phương Đông. Sự tương tác giữa các giá trị Đông- Tây xưa nay đều gây ra những hiệu ứng thuận, nghịch, và biến. Một hướng nghiên cứu bối cảnh hoá nhà nước pháp quyền trong môi trường văn hoá truyền thống của người Việt sẽ là cần thiết để quá trình tích hợp nói trên diễn ra một cách thành công. Để xây dựng nhà nước pháp quyền ở

Việt Nam chúng ta phải nghiên cứu sự tác động của các yếu tố truyền thống văn hoá của dân tộc đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Trên cơ sở đó mà biết được chúng ta có những điều kiện thuận lợi nào cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền, những gì đang là lực cản của tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta, và nhà nước pháp quyền sẽ được tiếp biến trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam như thế nào; từ đó xây dựng được một nhà nước pháp quyền phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc ta.

Với những lý do nói trên, tôi chọn đề tài “*Xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam*” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền của Đảng và Nhà nước ta đã gợi lên một không khí sôi nổi nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến nhà nước pháp quyền trong giới khoa học. Nhiều vấn đề khoa học về nhà nước pháp quyền đã thu hút được sự quan tâm của nhiều người nghiên cứu. Những nghiên cứu khởi đầu được tiến hành với những vấn đề lý luận về nhà nước pháp quyền như: khái niệm và những đặc trưng của nhà nước pháp quyền, lịch sử tư tưởng về nhà nước pháp quyền. Liên quan đến những vấn đề này có thể kể đến các công trình như: “*Về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý- Bộ tư pháp, NXB Chính trị quốc gia, H, 1997; “*Học thuyết về nhà nước pháp quyền và thực tiễn của nó ở Liên bang Nga*” của TSKH.Lê Cẩm, NXB “Sáng tạo” Hội khoa học- kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga, Mát-cơ-va, 1997; “*Một số suy nghĩ về nghiên cứu Nhà nước pháp quyền*” của PGS.TS. Hoàng Thị Kim Quế, in trong sách *Nhà nước và*

pháp luật Việt Nam trước thế kỷ XXI, NXB Công an nhân dân, H, 2002....

Tiếp theo là những nghiên cứu về việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam như: tổ chức quyền lực, giám sát quyền lực, dân chủ, tư pháp, pháp luật...trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Liên quan đến những vấn đề này có thể kể đến những công trình đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật như : PGS.TS. Nguyễn Đăng Dung. *Nhà nước pháp quyền- một hình thức tổ chức nhà nước*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 6, năm 2002; PGS.TS. Võ Khánh Vinh. *Mối quan hệ giữa xã hội- cá nhân- nhà nước trong nhà nước pháp quyền và vai trò của nó trong việc xác định mô hình tổng thể nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2, năm 2003 ; GS.TS. Hoàng Văn Hảo. *Vấn đề dân chủ và các đặc trưng của mô hình tổng thể nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2, năm 2003....

Những nghiên cứu nói trên về nhà nước pháp quyền đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, các nghiên cứu nói trên chưa tiếp cận vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền theo hướng bối cảnh hoá trong điều kiện của văn hoá truyền thống Việt Nam. Việc nghiên cứu sự tương tác của văn hoá dân tộc đến vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền chưa được quan tâm. Một số nghiên cứu của các tác giả trong nước về tác động của văn hoá truyền thống đến đời sống nhà nước và pháp luật Việt Nam hiện đại ít nhiều có liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài này. Chẳng hạn có thể kể đến: GS.Vũ Minh Giang. *Xây dựng lối sống theo pháp luật nhìn từ góc độ lịch sử truyền thống*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3, năm 2003;

PGS.TS. Nguyễn Đăng Dung. *Một xã hội làng xã*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10, năm 2003...

Cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể về sự tác động của các yếu tố văn hoá truyền thống đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Vấn đề này cũng chưa được đề cập rộng rãi trong những công trình nghiên cứu khoa học pháp lý về nhà nước pháp quyền đã công bố ở Việt Nam. Vì vậy có thể nói đây là công trình đầu tiên nghiên cứu khá tổng thể về vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

3. Mục tiêu của đề tài.

Đề tài này nghiên cứu việc bối cảnh hoá nhà nước pháp quyền trong môi trường văn hoá truyền thống Việt Nam để nhằm các mục tiêu: chỉ ra những thuận lợi, những khó khăn, và sự tiếp biến của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền dưới sự tác động của một số yếu tố văn hoá truyền thống; trên cơ sở đó, chỉ ra những hướng xây nhà nước pháp quyền phù hợp với văn hoá truyền thống Việt Nam.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu của đề tài đã đặt ra, đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu: bối cảnh văn hoá của lý thuyết nhà nước pháp quyền và của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam; những thuận lợi, những khó khăn, và sự tiếp biến của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam; và những phương hướng để xây dựng nhà nước pháp quyền phù hợp với văn hoá truyền thống Việt Nam.

5. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài chỉ nghiên cứu về sự tác động của một số yếu tố văn hoá truyền thống của Việt Nam, chứ không nghiên cứu về sự tác động của các yếu tố văn hoá hiện đại. Văn hoá truyền thống Việt

Nam bao hàm một nội dung rất rộng. Với những nghiên cứu bước đầu, tác giả của đề tài chỉ tập trung nghiên cứu sự tác động của một số yếu tố văn hoá truyền thống có tác động đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền chứ không thể bao quát toàn bộ các yếu tố văn hoá truyền thống.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận:

Phương pháp luận của luận văn là chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng nhà nước pháp quyền.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử
- Các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh.
- Phương pháp tiếp cận hệ thống. Đây là phương pháp nghiên cứu đặc biệt cần thiết đối với đối tượng nghiên cứu của đề tài này. Đề tài này nghiên cứu việc bố trí cảnh hoá một giá trị phương Tây vào một xã hội phương Đông. Việc bố trí cảnh hóa vấn đề đòi hỏi việc sử dụng tri thức của nhiều ngành khoa học khác nhau ngoài khoa học pháp lý như: văn hoá học, văn học, tâm lý học dân tộc, dân tộc học, ngôn ngữ học, triết học...Nhận thức như vậy, tác giả của đề tài luận văn nhận thấy việc sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống dựa trên phương thức tư duy phức hợp là đặc biệt cần thiết cho việc thực hiện công việc nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.

- Cách tiếp cận của đề tài và hướng nghiên cứu của đề tài có thể có những đóng góp nhất định vào việc nghiên cứu lý luận về nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học, và những người có quan tâm trong việc nghiên cứu về các vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.
- Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho những nhà hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1. Bối cảnh văn hoá của sự hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền và của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Chương 2. Xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam- sự tiếp biến, những thuận lợi, và những khó khăn.

Chương 3. Phương hướng cơ bản xây dựng nhà nước pháp quyền phù hợp với bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam

Chương 1.

BỐI CẢNH VĂN HOÁ CỦA

SỰ HÌNH THÀNH LÝ THUYẾT NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ CỦA VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM

1.1. Nhận thức về khái niệm văn hoá.

Văn hoá *gồm trong* tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác. Văn hoá không phải là tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lao động, pháp luật... Văn hoá biểu hiện ở tất cả những gì do con người tạo ra trong quá trình tương tác với tự nhiên và xã hội, nhưng bản thân sản phẩm do con người tạo ra không phải là văn hoá. Văn hoá không phải là một vật nhưng không vật nào do con người tạo ra không có mặt văn hoá của nó. Mặt văn hoá trong tất cả những thứ do con người sáng tạo ra biểu hiện ở kiểu sống, ở phương thức sinh hoạt của con người.

Chúng tôi hiểu văn hoá là *kiểu nhân hoá, kiểu nhân vi* hình thành trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội.

1.2. Bối cảnh văn hoá của sự hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền.

1.2.1. Nhà nước pháp quyền- một lý thuyết của phương Tây.

Nhà nước pháp quyền là một nhà nước chịu sự kiểm soát của quyền lực pháp luật để bảo vệ con người- cá nhân, mà pháp luật sở dĩ có được quyền lực ràng buộc công quyền là vì đó là pháp luật xuất phát từ các quyền tự nhiên vốn có của con người- cá nhân, là pháp luật tự nhiên. Từ bản chất giới hạn công quyền bằng pháp luật để bảo vệ con người, nhà nước pháp quyền đặt ra những nguyên tắc như: tôn trọng và bảo đảm các quyền và tự do của con người; chủ quyền nhân dân; chính quyền hợp hiến; phân công quyền lực; tư pháp độc lập, tính tối cao của luật trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; sự ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực sinh hoạt của công dân; tính công khai, minh bạch và công bằng của pháp luật...

Những ý tưởng về nhà nước pháp quyền như vậy đã sinh ra và phát triển thành lý thuyết, rồi được hiện thực hoá đầu tiên ở phương Tây. Người ta có thể tìm thấy cội nguồn của tư tưởng nhà nước pháp quyền từ thời cổ đại ở phương Tây trong các phát ngôn của Socrate, Platon, Aristote, Ciceron. Nhưng phải đến các thế kỷ XVII-XIX, nhà nước pháp quyền mới dần dần trở thành lý thuyết có hệ thống với những đại biểu xuất sắc như J.Locke, S.L. Montesquieu, J.J. Rousseau, I.Kant, G.V. Hegel. Không có ai được gọi là tác giả duy nhất về lý thuyết nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền không phải là một lý thuyết được trình bày một cách tập trung trong một trứ tác. Ngay nay chúng ta gọi là lý thuyết nhà nước pháp quyền kỳ thực là những quan điểm, tư tưởng về nhà nước pháp quyền nằm rải rác trong các lý thuyết về nhà nước và pháp luật của những tác giả khác nhau.

Ở phương Đông, những mầm mống tư tưởng về nhà nước pháp quyền chỉ chớm nở từ Lão-Trang mà không được phát triển về sau

này và thực tiễn của nền quân chủ chuyên chế phương Đông cũng không tạo cơ hội cho sự hiện thực hoá chủ thuyết của Lão-Trang.

Như vậy, nhân loại từ Đông sang Tây từ thời cổ đại đã hình thành những tư tưởng về nhà nước pháp quyền. Mục đích cuối cùng của Nhà nước pháp quyền là con người. Đó là tính nhân bản của nhà nước pháp quyền. Tính nhân bản thể hiện tính thống nhất chung của con người trong sự đa dạng của các nền văn hoá. Tính thống nhất của con người chính là cơ sở lý giải sự xuất hiện tư tưởng nhà nước pháp quyền ở cả phương Tây và phương Đông. Loài người có lòng đam mê quyền lực. Bất cứ ở đâu có quyền lực là có xu hướng lạm quyền. Do vậy, kiểm soát quyền lực để bảo vệ con người là mối quan tâm chung của nhân loại. Tuy nhiên, do những đặc thù của văn hoá phương Đông, với vai trò linh xướng tư tưởng và đời sống chính trị của Nho giáo ở nhiều nền chuyên chế phương Đông mà những tư tưởng nhân bản về kiểm soát công quyền, bảo vệ cá nhân khởi phát từ thời cổ đại đã không được phát triển thêm mặc dù do tính thống nhất của *homsapiens*, vẫn tồn tại tiềm tàng trong các thời kỳ lịch sử về sau. Do đó, một lý thuyết toàn diện về nhà nước pháp quyền đã không được sinh ra ở phương Đông.

1.2.2. Bối cảnh văn hoá phương Tây của sự hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền.

Nhà nước pháp quyền là một lý thuyết tiến triển trong bối cảnh phương Tây. Trong bối cảnh phương Tây, những ý tưởng về kiểm soát công lực bằng pháp luật để bảo vệ cá nhân mới có điều kiện nảy nở và phát triển thành lý thuyết, rồi thành hiện thực dần dần khi chủ nghĩa tư bản ra đời. Điều kiện tự nhiên- xã hội của phương Tây đã hình thành một nền văn hoá có tích cá nhân và tính cá nhân

này của văn hoá phương Tây chính là cơ sở văn hoá của nhà nước pháp quyền.

Trong bối cảnh của nền văn hoá phương Tây mang tính chất cá nhân, lý thuyết nhà nước pháp quyền đã được hình thành và phát triển. Quá trình hình thành và phát triển của lý thuyết nhà nước pháp quyền gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của ý thức cá nhân ở phương Tây. Có thể điểm qua ba thời kỳ của quá trình cá nhân hoá ở phương Tây gắn liền với sự ra đời của lý thuyết nhà nước pháp quyền: thời cổ đại với các triết gia cổ Hy Lạp, thời trung đại với Thiên Chúa giáo, thời cận đại- thời kỳ hình thành lý thuyết nhà nước pháp quyền với những nhà tư tưởng của cách mạng tư sản.

Được hình thành trên cơ sở của nền văn hoá trọng cá nhân, lý thuyết nhà nước pháp quyền ở phương Tây xét về bản chất là hệ thống những tư tưởng về kiểm soát công quyền bằng nhân quyền- các quyền tự nhiên vốn có của con người- cá nhân.

1.3. Bối cảnh văn hoá của việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Nhà nước pháp quyền- sản phẩm của nền văn hoá trọng cá nhân của phương Tây được xây dựng trong bối cảnh văn hoá bản địa Việt Nam trọng cộng đồng- một nền văn hoá làng xã mà dấu ấn của nó còn đậm nét trong xã hội hiện đại.

Cơ sở văn hoá của việc khái sinh ra lý thuyết nhà nước pháp quyền và cơ sở văn hoá của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam có những điểm khác nhau. Tuy nhiên, giao lưu là bản chất của văn hoá. Văn hoá không thể tồn tại mà không có giao lưu. Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay thì sự giao lưu văn hoá lại càng phổ biến. Giao lưu văn hoá dẫn đến việc chấp nhận những cái khác mình. Việc tích hợp nhà nước pháp quyền vào xã hội Việt Nam là một sự

giao lưu giữa văn hoá Việt Nam. Hơn nữa, nhà nước pháp quyền là một lý thuyết nhân bản. Nên, do tính thống nhất nhân học mà nhà nước pháp quyền có thể được ứng dụng ở những nền văn hoá khác nhau.

Tuy nhiên, do những khác biệt về văn hoá, Việt Nam không thể tích hợp toàn bộ nội dung của lý thuyết nhà nước pháp quyền vào môi trường của mình. Văn hoá Việt Nam vốn có một truyền thống, tiếp nhận những yếu tố ngoại lai nhưng không tiếp nhận nguyên xi mà biến đổi nó cho phù hợp với bản sắc của mình. Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá Việt Nam cũng có một sự tiếp biến như vậy.

Văn hoá Việt Nam cũng có những yếu tố có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi một nhà nước pháp quyền. Tính cộng đồng và tính cá nhân không hoàn toàn loại trừ nhau. Cả hai đều có những ưu điểm. Chính những ưu điểm này làm cho những giá trị hình thành trong một nền văn hoá trọng cá nhân vẫn có thể có những điều kiện thuận lợi để thực hiện trong một nền văn hoá trọng cộng đồng. Những giá trị của tính cộng đồng của văn hoá Việt Nam có thể sản sinh ra những yếu tố thuận lợi cho việc thực thi nhà nước pháp quyền của chúng ta.

Nhưng điều đáng nói hơn là do những khác biệt về văn hoá, việc thực thi nhà nước pháp quyền ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn hơn thuận lợi. Để xây dựng nhà nước pháp quyền thì văn hoá truyền thống Việt Nam tạo ra những khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Do vậy, Nhà nước pháp quyền là một giá trị chung của nhân loại nhưng việc tích hợp vào xã hội Việt Nam sẽ phải diễn ra theo những lộ trình phức tạp hơn nhiều quốc gia phương Tây.

Chương 2.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN TRONG BỐI CẢNH VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM- SỰ TIẾP BIẾN, NHỮNG THUẬN LỢI, VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN

2.1. Sự tiếp biến nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

2.1.1. Quyền dân tộc

Quyền con người ở Việt Nam được hiểu không những quyền của cá nhân mà còn là quyền của tập thể- cộng đồng dân tộc. Do đó, việc hành xử quyền cá nhân ở Việt Nam không thể được diễn ra một cách đơn phương mà không kèm theo nghĩa vụ với cộng đồng. Quyền của cộng đồng dân tộc được bảo vệ bởi nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng dân tộc.

Như vậy, sự tiếp biến của lý thuyết nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá Việt Nam là: quyền dân tộc là quyền con người ở Việt Nam và do việc bảo vệ bảo đảm quyền dân tộc, quyền của cá nhân phải được thực thi gắn liền với nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng dân tộc.

2.1.2. Tập quyền.

Quyền lực của người Việt trong truyền thống đã được hành xử theo lối tập quyền. Đó là một cách thức hành xử quyền lực hợp lý, cần thiết trong bối cảnh xã hội của người Việt. Cơ sở để sinh ra tập quyền không phải do nhu cầu cai trị, đàn áp mà là do nhu cầu thực hiện những nhiệm vụ chung liên quan đến sự tồn vong của cả cộng đồng: trị thủy và tự vệ. Văn hoá chính trị cổ truyền của Việt Nam là văn hoá tập quyền. Ngày nay chúng ta tiến tục thực hiện nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa là sự đến một nền văn hoá chính trị hiện đại từ một nền văn hoá chính trị truyền thống. Như vậy, mặc dù

khẳng định việc xây dựng nhà nước pháp quyền nhưng chúng ta chỉ áp dụng yếu tố hợp lý của tư tưởng phân quyền là sự phân công giữa các ngành quyền lực, còn quyền lực nhà nước ở nước ta vẫn được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền (xã hội chủ nghĩa), không có sự độc lập hoàn toàn và sự kìm kìm chế đối trọng của các ngành quyền lực. Đây là sự tiếp biến của nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

2.2. Những thuận lợi của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

2.2.1. Tính đại diện cộng đồng của nhà nước.

Tính cộng đồng là một đặc trưng của văn hoá chính trị Việt Nam. Các nhà nước cổ truyền Việt Nam thiên về tính đại diện cộng đồng hơn tính trấn áp giai cấp. Các chính quyền của người Việt xưa đã có một truyền thống chăm sóc lợi ích chung của xã hội. Đặc tính này của văn hoá chính trị truyền thống là một điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay. Nhà nước pháp quyền về cốt lõi là một nhà nước đem lại lợi ích cho mọi người. Nhà nước pháp quyền không phải là một nhà nước sinh ra để cai trị, đàn áp mà là để phục vụ xã hội. Xây dựng nhà nước pháp quyền tức là xây dựng một nhà nước phục vụ những lợi ích chung của xã hội.

2.2.2. Một nền chuyên chế mềm.

Văn hoá truyền thống Việt Nam có những điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu dân chủ của nhà nước pháp quyền. Tính dân chủ đã vốn có trong văn hoá chính trị cổ truyền của người Việt. Do những điều kiện đặc thù của dân tộc, giới cầm quyền trong xã hội của người Việt cổ truyền không có xu hướng quá độc đoán chuyên chế, mà thường quan tâm đến lòng dân, bảo tồn tính tự trị của làng xã, thân phận khá tự do của người dân. Tính dân bản và dân chủ đã

được tìm thấy trong cách cách cầm quyền của họ. Đây là một truyền thống thuận tiện để thực thi dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay.

2.3. Những khó khăn của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

2.3.1. Tôn trọng và bảo đảm quyền con người: lực cản từ một xã hội thần dân

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam vấp phải khó khăn là làm sao để phát triển ý thức cá nhân, quyền cá nhân- quyền con người, phát triển một xã hội công dân trong một môi trường đã từng tồn tại xã hội thần dân buộc con người vào vô vàn những nghĩa vụ. Ý thức về nghĩa vụ, trách nhiệm vẫn còn in đậm trong con người Việt Nam hiện nay. Chúng ta không phủ nhận ý thức nghĩa vụ, trách nhiệm là một sức mạnh của người Việt Nam. Nhưng chúng ta không thể không công nhận điều này cũng tạo ra những khó khăn cho việc phát triển ý thức cá nhân, quyền con người- một yêu cầu của nhà nước pháp quyền.

2.3.2. Kiểm soát công quyền bằng pháp luật: lực cản từ truyền thống nhân trị

Do truyền thống nhân trị, một thói quen thượng tôn pháp luật trong việc hành xử quyền lực công chưa được tạo lập ở xã hội ta. Đây là một khó khăn trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

2.3.3. Tính phổ biến của các chuẩn mực pháp luật trong đời sống công dân: lực cản từ truyền thống hình luật

Truyền thống nhìn pháp luật là công cụ cai trị của công quyền đã dẫn đến tính vị nhà nước trong tư duy làm luật, đồng thời tạo ra thói quen chống đối pháp luật của người dân. Đây là một yếu

tố văn hoá truyền thống tạo lực cản trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền- nơi pháp luật được quan niệm là công cụ của công lý nằm trong tay người dân để bảo vệ mình và kiểm soát sự vi phạm từ phía công quyền đến các quyền và tự do của con người.

2.3.4. Đề cao tư pháp trong nhà nước pháp quyền : lực cản từ truyền thống ‘vô tặc’

Người Việt có một văn hoá chủ hoà, nhìn toà án như một công cụ trừng phạt nên có xu hướng vô tặc. Văn hoá pháp đình này tương tác với yêu cầu về tư pháp trong nhà nước pháp quyền sẽ tạo ra những hiệu ứng nghịch. Văn hoá pháp đình Việt Nam có những yếu tố gây trở ngại cho việc phát huy vai trò của tư pháp trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền.

Chương 3.

**PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN XÂY DỰNG
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN TRONG BỐI CẢNH
VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM**

3.1. Phương hướng đảm bảo sự tiếp biến Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam

3.1.1. Chuyển tải tinh thần Tổ quốc luận vào xã hội hiện đại.

Tôn trọng sự thẩm bình xã hội của trí thức, nhận thức và công khai chỉ ra những yếu kém của đất nước, nguy cơ tụt hậu của đất nước, chính quyền cần phải định vị được vị thế của mình trên trường quốc tế đồng thời đề ra những giải pháp mang tầm chiến lược để phát triển đất nước. Điều này sẽ có ý nghĩa khơi dậy sự cống hiến của xã hội vì sự phồn vinh của Tổ quốc.

Để phát huy tinh thần yêu nước hiện nay, Nhà nước cũng cần phải quan tâm đến việc giáo dục truyền thống yêu nước của cho tất cả mọi người. Một cách hữu hiệu là giáo dục bằng những trang sử hào hùng của dân tộc. Ngoài ra, tôn vinh trước cộng đồng những tấm gương yêu nước và thực sự có những đóng góp thiết thực cho cuộc sống hiện nay cũng là một cách hiệu quả để phát huy tinh thần Tổ quốc luận.

3.1.2. Khai thác sức mạnh của chế độ tập quyền và kiểm soát quyền lực trong chế độ tập quyền.

Sức mạnh của chế độ tập quyền phụ thuộc vào thiết chế được coi là điểm quy tụ của quyền lực. Nếu như trong các chế độ tập quyền truyền thống thiết chế đó là vua, thì trong chế độ tập quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay thiết chế đó là Quốc hội. Nếu như trong các chế độ tập quyền truyền thống, sự thông minh của hệ thống cộng đồng được phát huy qua sự thông minh của một ông vua thì trong chế độ tập quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay sự thông minh của cả cộng đồng cần phải được phát huy bởi một Quốc hội. Để huy động tổng lực của cả xã hội, Việt Nam cần một Quốc hội thông minh. Một Quốc hội thông minh phải ban hành được những đạo luật thông minh. Một cách đơn giản, có thể hiểu một đạo luật thông minh là một đạo luật phản

ánh trí tuệ của cả cộng đồng, và do đó ích nước lợi dân. Những đạo luật như vậy phải chuyển tải được ý chí và lý trí của dân chúng.

Nếu như ưu thế của chế độ tập quyền là tạo ra sức mạnh tổng hợp cần phải phát huy thì nhược thế của nó là khuynh hướng lạm quyền cần phải khắc chế. Nhà nước pháp quyền Việt Nam cần dùng tinh thần nhân bản để kiểm soát quyền lực. Trong bối cảnh của một nền văn hoá chủ hoà, trong quan hệ quyền lực phải lấy sự hài hoà giữa con người với con người làm yếu tố căn bản để điều phối quyền lực.

3.2. Phương hướng phát huy những thuận lợi của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

3.2.1. Phát huy tính đại diện cộng đồng của nhà nước.

Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh tiến đến nhà nước pháp quyền cần phải quan tâm đến việc thực hiện các chức năng phục vụ xã hội sau đây:

- *Thiết lập một cơ sở pháp luật phục vụ xã hội.* Điều này đòi hỏi trong tư duy làm luật của nhà nước cần phải nhìn nhận pháp luật như một dịch vụ của xã hội. Pháp luật không chỉ là công cụ của công quyền để cai trị xã hội mà còn là công cụ của toàn xã hội để thoả mãn những nhu cầu lợi ích khác nhau trong xã hội. Do đó xây dựng pháp luật không nên chỉ tập trung vào các văn bản phục vụ hoạt động quản lý của nhà nước mà còn là các văn bản phục vụ xã hội. Pháp luật cần phải coi là một dịch vụ công cộng chứ không đơn thuần chỉ là một công cụ cai trị của công quyền.
- *Điều tiết vĩ mô nền kinh tế.* Để thị trường vận hành có hiệu quả, cần phải có một nhà nước năng động để đảm bảo các nguyên tắc cạnh tranh, tuân thủ quy tắc của thị trường, bởi

nếu thiếu các điều kiện này, quy luật cung cầu sẽ không đảm bảo được tính công khai, bình đẳng của nó, do giữa các tác nhân tham gia vận hành quy luật cung cầu đó không có sự phối hợp thông tin cần thiết.

- *Cung cấp công lý xã hội.* Với tính chất là tổ chức duy nhất trong xã hội nắm độc quyền cưỡng chế một cách hợp pháp, nhà nước phải sử dụng quyền cưỡng chế để truy trì công lý trong xã hội. Tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam đang thực hiện phải hướng đến mục tiêu thiết lập công lý.
- *Cung cấp sự công bằng cho xã hội.* Nhà nước cần tiếp tục đầu tư giúp cho những xã đặc biệt khó khăn ở miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa vùng đồng bào dân tộc. Các bộ, các ngành cần tiếp tục dành những chương trình, dự án, nguồn vốn cho những địa phương nghèo. Đặc biệt dành nguồn kinh phí cho đào tạo cán bộ, tập huấn, hướng dẫn kinh nghiệm làm ăn, xây dựng mô hình xoá đói giảm nghèo có hiệu quả.
- *Cung cấp tình thương cho xã hội.* Nhà nước phải có trách nhiệm quan tâm đến các những bộ phận dân cư thiệt thòi trong xã hội như trẻ em lang thang cơ nhỡ, con côi, quá phụ; người ăn xin; người thất nghiệp, người tàn tật, thương binh, bệnh binh...
- Có những loại hình dịch vụ công khác thiết yếu cho xã hội mà nhà nước không thể không đảm đương là: y tế cộng đồng, giáo dục cơ bản, hệ thống giao thông, điện, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ người tiêu dùng...

3.2.2. Tình nghĩa trong hành xử quyền lực; xác lập tự quản cơ sở.

Nhà nước pháp quyền Việt Nam cần phải có nhiều những bậc cha, mẹ của dân. Muốn vậy, trong lối ứng xử với dân, nhân viên công quyền cần phải hành xử quyền lực theo pháp luật nhưng với một phương thức có tình có nghĩa. Khi đã xây dựng nhà nước pháp quyền thì pháp luật phải ràng buộc quyền lực nhưng không phải quyền lực được thực thi theo pháp luật một cách vô cảm. Quyền lực của xã hội là gắn với con người nên phải được thực thi một cách nhân bản.

Tinh thần tự quản làng xã có thể được khai thác để xây dựng nền tự quản của chính quyền cơ sở hiện nay. Trong việc cải cách chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay, với tinh thần kế thừa và phát huy truyền thống, cần thừa nhận tính tự quản của chính quyền cấp cơ sở. Các chính quyền cấp xã nên là những chính quyền tự quản.

Chính quyền cấp cơ sở không phải trực thuộc cấp trên mà tất cả các cấp chính quyền đều trực thuộc pháp luật. Nếu cấp chính quyền nào vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm trước chính quyền cấp trên mà là trước Tòa án- nơi bảo vệ pháp luật.

3.3. Phương hướng khắc phục những khó khăn của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá truyền thống Việt Nam.

3.3.1. Phát triển xã hội công dân.

Để xây dựng nhà nước pháp quyền trên cơ sở của một xã hội công dân cần phải có những điều chỉnh sau đây :

- *Sửa đổi các quy định của Hiến pháp về dân quyền.* Nếu như những quyền công dân xuất phát từ những quyền con người là những quyền tự nhiên mà mỗi người đều có, thì nhà nước trong việc điều chỉnh hiến pháp đối với nhân quyền vấn đề không phải là Nhà nước khẳng định các quyền đó mà là nhà nước phải cam kết không được xâm phạm và có cơ chế để bảo vệ. Công dân phải được đặt ở vị thế chủ thể để giới hạn công quyền.
- *Đưa hiến pháp vào đời sống người dân.* Nhà nước cần đầu tư nhiều cho việc đưa hiến pháp vào cuộc sống. Nhà nước phải tổ chức để phổ biến các quyền hiến định đến công dân. Đặc biệt là phải tăng cường đào tạo về luật hiến pháp nói riêng và luật công nói chung. Các cơ sở đào tạo luật, các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực luật pháp như các hội luật gia, các đoàn luật sư, các văn phòng tư vấn pháp luật cần tích cực tham gia vào việc tuyên truyền, phổ biến hiến pháp đến người dân.
- *Phát triển tính cá nhân.* Để khuyến khích sự phát triển của ý thức cá nhân, nhà nước cần giải phóng mọi sự ràng buộc không cần thiết đối với cá nhân. Nhà nước cần tạo ra một không gian rộng rãi cho sự phát triển tự do của cá nhân. Pháp luật cần đa dạng hoá các cơ hội cho sự phát triển khả năng tự nhiên của mỗi cá nhân. Đa dạng hoá không gian cho sự phát triển cá tính, nhà nước sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển của các nhân tài, thiên tài làm động lực cho sự phát triển xã hội.

3.3.2. Tạo lập thói quen thượng tôn luật pháp trong đời sống công quyền.

Để thực thi một nhà nước pháp quyền như chúng ta đã cam kết cần phải tạo lập được một thói quen mới trong đời sống công quyền: thói quen thượng tôn luật pháp.

Sự tự tu dưỡng đạo đức của nhân viên công quyền rất có ý nghĩa kiểm soát họ theo pháp luật. Từ đạo đức truyền thống đến đạo đức xã hội chủ nghĩa đều có ý nghĩa giúp ích cho nền quan chế vận hành theo pháp luật.

Công khai chỉ ra những nhược điểm trong các hành xử quyền lực từ truyền thống và những phản ánh của nó trong xã hội hiện đại là cách thức buộc công quyền phải thay đổi thói quen sử dụng quyền lực.

Cùng với việc chỉ ra những khuyết tật của lối hành xử quyền lực như vậy là phải phổ biến những chuẩn mực pháp quyền trong việc thực thi quyền lực. Các phương tiện thông tin đại chúng cần tích cực phổ biến những nguyên tắc tiên tiến của việc thực hiện quyền lực theo yêu cầu của nhà nước pháp quyền. Nhà nước cần phải đặt biệt quan tâm đầu tư cho việc phổ biến các chuẩn mực nhà nước pháp quyền, và đưa hiến pháp vào đời sống công quyền.

Phát triển việc nghiên cứu và phổ biến luật hiến pháp nói riêng và luật công nói chung là đặt biệt cần thiết trong việc tạo lập tinh thần thượng tôn luật pháp trong hành xử quyền lực. Các chuyên gia nghiên cứu luật hiến pháp có vai trò quan trọng trong việc đưa hiến pháp vào đời sống công quyền. Tuy nhiên để phát huy vai trò của họ cần thành lập hiệp hội Hiến pháp.

- *Hoàn thiện những cơ chế giám sát quyền lực.* Khuôn khổ pháp luật của quyền giám sát của Quốc hội cần phải được

điều chỉnh lại theo hướng tạo ra một chế độ giám sát tập trung. Quốc hội chỉ nên tập trung giám sát hành pháp. Bên cạnh việc hoàn thiện cơ sở pháp lý cho *Quốc hội giám sát* thì cũng cần phải có cơ sở pháp lý cho việc *giám sát Quốc hội*. Tham khảo kinh nghiệm của Pháp để thành lập Hội đồng bảo vệ hiến pháp. Đồng thời trao ch hệ thống toà án thường chức năng bảo vệ hiến pháp.

3.3.3. Tạo lập thói quen sử dụng pháp luật trong đời sống của công dân.

Để khắc chế tâm lý chống đối pháp luật, cần phải tạo ra những cơ chế để khuyến khích sự hình thành thói quen mới cần thiết cho nhà nước pháp quyền là thói quen chủ động sử dụng pháp luật của người dân. Điều này tùy thuộc vào ba điều :

Thứ nhất, thay đổi cách nhìn của người dân về pháp luật: từ cách nhìn pháp luật là công cụ của công quyền sang cách nhìn pháp luật là công cụ của công lý.

Thứ hai, bản thân pháp luật phải có thể sử dụng được đối với người dân. Pháp luật là cần thiết cho xã hội khi đó là pháp luật xuất phát từ quyền tự nhiên vốn có của con người, từ ý nguyện của nhân dân. Để phản ánh ý nguyện của nhân dân vào pháp luật thì nhân dân phải được tham gia vào quy trình làm luật của Quốc hội. Bên cạnh việc tham khảo, học hỏi kinh nghiệm nước ngoài, nhà nghiên cứu lập pháp phải tìm ra những quy luật khách quan đang chi phối xã hội Việt Nam. Tư duy lập pháp không nên là một tư duy đơn tuyến, mà phải là một tư duy đa tuyến: để đưa ra một chính sách cần tích hợp tất cả những tri thức có liên quan, tái cấu trúc trong một chỉnh thể toàn

diện. Những đạo luật được ban hành với tinh thần như trên phải có khả năng trực tiếp đi vào cuộc sống.

Thứ ba, Nhà nước cần đầu tư nhiều cho việc đưa luật vào cuộc sống. Nhà nước cần hướng hoạt động đưa pháp luật vào cuộc sống đối với những lĩnh vực pháp luật phục vụ người dân. Một tư duy tuyên truyền để người ta sử dụng cần hơn tư duy tuyên truyền để người ta tuân theo.

3.3.4. Hướng cho người dân một cách nhìn mới về Tòa án.

Cải cách tư pháp phải gắn liền với cải cách ý thức pháp luật của người dân. Vì vậy, muốn phát huy được vai trò của tòa án trong việc bảo vệ người dân trước tiên phải làm cho người dân có ý thức cao về pháp luật, nhìn pháp luật là công cụ của công lý, của mình.

Trong điều kiện cải cách tư pháp hướng tới nhà nước pháp quyền hiện nay, tòa án phải được nhìn nhận như là một công cụ của người dân để bảo vệ các quyền, tự do của con người.

Để người dân tin tưởng vào nền tư pháp, và mong cầu công lý nơi pháp đình, đòi hỏi phải tạo lập một nền tư pháp độc lập bằng cách: quan niệm tòa án nhân danh công lý, ứng dụng những yếu tố thánh hợp của tố tụng tranh tụng, tăng trách nhiệm cho các thẩm phán, nâng cao chất lượng của đội ngũ thẩm phán, quan tâm đúng mức đối với đời sống vật chất của thẩm phán.